

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2017
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lê – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 300/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc C, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp TTh, xã TP, huyện CTh, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Ấp TTh, xã TP, huyện CTh, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ ông Phùng Tắc Lồng - Tổ 5, khu phố 5, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Ngọc C trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc C và ông Nguyễn Tấn H chung sống với nhau vào năm 1998, nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện CTh, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38, Quyền

số I/2004 ngày 04/3/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do từ khi ông H lên Bình Dương làm việc thì ông H sống không có trách nhiệm với vợ con, tất cả các vấn đề trong gia đình từ việc chi phí sinh hoạt đến việc chăm sóc, nuôi dạy con cái đều do một mình bà C gánh vác. Không những vậy ông H không chung thủy và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà C đã nhiều lần khuyên nhủ và cho ông H cơ hội để vợ chồng đoàn tụ, chăm lo cho các con. Tuy nhiên, ông H vẫn không thay đổi. Bà C và ông H đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Bà C nH1 thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H.

Về con chung: Bà C và ông H có hai con chung là Nguyễn Lê Ngọc H1, sinh ngày 01/3/1999 và Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 27/5/2000. Khi ly hôn, bà C yêu cầu nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh H2, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Nguyễn Lê Ngọc H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Ngọc C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn H đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo kết quả xác minh tại Công an phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương vào ngày 08/8/2017 thì ông Nguyễn Tấn H có đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại nhà trọ ông Phùng Tấn Lồng - Tổ 5, khu phố 5, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương vào ngày 09/8/2017 thì về mâu thuẫn vợ chồng của bà Lê Ngọc C và ông Nguyễn Tấn H, chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Tại bản tự khai ngày 04/8/2017 của cháu Nguyễn Thanh H2 trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu H2 có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Lê Ngọc C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Bà Lê Ngọc C và ông Nguyễn Tấn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện CTh, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, Quyền số I/2004 ngày 04/3/2004, là hôn nhân hợp pháp. Bà C trình bày vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do ông H sống không có trách nhiệm và không chung thủy, vợ chồng không còn sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Ông H không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến nên yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ. Về con chung, bà C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 27/5/2000 nên bà C yêu cầu được nuôi con là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con, bà C không yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện của bà C. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tấn H vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc C và ông Nguyễn Tấn H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CTh, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38, Quyền số I/2004 ngày 04/3/2004, là hôn nhân hợp pháp. Bà C xác định khoảng đầu năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là từ khi ông H lên Bình Dương làm việc thì ông H sống không có trách nhiệm với vợ con, tất cả các vấn đề trong gia đình từ việc chi phí sinh hoạt đến việc chăm sóc, nuôi dạy con cái đều do một mình bà C gánh vác và ông H không chung thủy mà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không đến Tòa án cho thấy ông H không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Về phía bà C trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà C xác định hoàn toàn không còn tình cảm với ông H, bà C không thể tiếp tục chung sống với ông H. Bà C và ông H không còn sống chung từ năm 2014 đến nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ chồng, nhưng quan hệ hôn nhân của bà C và ông H đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà C và ông H trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà C yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 27/5/2000. Xét thấy, hiện tại con chung đang sống cùng bà C, bà C có

đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và con chung Nguyễn Thanh H2 có nguyện vọng sống cùng bà C. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của bà C là có căn cứ chấp nhận quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với con chung Nguyễn Lê Ngọc H1, sinh ngày 01/3/1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của bà C.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Ngọc C phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc C được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 27/5/2000 cho bà Lê Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc không yêu cầu ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Nguyễn Lê Ngọc H1, sinh ngày 01/3/1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Lê Ngọc C và ông Nguyễn Tấn H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Ngọc C phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013121 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết